

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Phương án Quản lý rừng bền vững của
Ban Quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn, giai đoạn 2021 - 2030**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Quản lý rừng bền vững;

Căn cứ Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Báo cáo số 137/BC-SNN ngày 27/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án Quản lý rừng bền vững của Ban Quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn, giai đoạn 2021-2030 với nội dung như sau:

1. Tên phương án: Phương án Quản lý rừng bền vững của Ban Quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn, giai đoạn 2021-2030.

2. Tên chủ rừng: Ban Quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn.

3. Địa chỉ: Khối Phú Xuân, thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

4. Hiện trạng đất đai, tài nguyên rừng

Tổng diện tích các loại đất, loại rừng: 20.639,60 ha.

a) Đất lâm nghiệp: 20.556,07 ha.

- Đất rừng phòng hộ: 20.260,69 ha (rừng tự nhiên 17.781,76 ha; rừng trồng 1.916,90 ha; đất chưa có rừng 562,03 ha).

- Đất rừng sản xuất: 295,38 ha (rừng tự nhiên 3,43 ha; rừng trồng 203,59 ha; đất chưa có rừng 88,36 ha).

b) Đất ngoài quy hoạch lâm nghiệp: 83,53 ha (rừng trồng 44,10 ha; đất chưa có rừng 39,43 ha).

5. Mục tiêu của phương án

a) Mục tiêu chung: Phương án Quản lý rừng bền vững của Ban Quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn, giai đoạn 2021 - 2030 nhằm thực hiện đồng bộ các kế hoạch quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học; phát triển rừng; sử dụng rừng; xây dựng cơ sở hạ tầng; tuyên truyền, giáo dục pháp luật,... Bảo vệ và phát triển diện tích rừng hiện có, thiết lập được khu rừng của đơn vị hướng tới các nguyên tắc và tiêu chí về quản lý rừng bền vững, góp phần nâng cao giá trị phòng hộ, bảo vệ môi trường; phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực, hướng tới quản lý theo kế hoạch bền vững trên cả 3 mặt kinh tế, xã hội và môi trường.

b) Mục tiêu cụ thể

- Mục tiêu về kinh tế: Tăng vốn rừng của Ban Quản lý đến năm 2030: Diện tích rừng tự nhiên tăng 176,73 ha, rừng trồng tăng 50,08 ha; về sinh khối: Rừng tự nhiên tăng 90.000 m³, rừng trồng tăng 10.000 m³. Giá trị thu được từ cung ứng dịch vụ môi trường rừng: Đảm bảo nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng hằng năm không thấp hơn so với bình quân 3 năm gần đây là 150 triệu đồng/năm; giá trị thu được từ chi trả dịch vụ môi trường rừng trong cả giai đoạn năm 2021 - 2030 đạt trên 1.500 triệu đồng.

- Mục tiêu về xã hội:

+ Hàng năm thu hút khoảng 350 lao động, trong đó số lao động ổn định khoảng 50 người và 300 lao động thời vụ vào việc thực hiện nhiệm vụ khai thác rừng trồng và các kế hoạch đã đề ra trong phương án. Giải quyết công ăn việc làm, tạo nguồn thu ổn định, từng bước nâng cao thu nhập cho viên chức, người lao động trong Ban Quản lý.

+ Tạo thu nhập ổn định từ rừng cho các cộng đồng nhận khoán bảo vệ rừng, giúp ổn định cuộc sống của người dân, từ đó nâng cao nhận thức cho người dân về vai trò của rừng và tầm quan trọng của công tác bảo vệ rừng gắn với công tác bảo tồn các giá trị văn hóa, lịch sử của địa phương.

+ Thực hiện các hoạt động của phương án sẽ góp phần nâng cao năng lực cho toàn bộ lực lượng quản lý bảo vệ rừng, góp phần quản lý có hiệu quả hơn tài

nguyên thiên nhiên và thực hiện thành công các hoạt động bảo vệ rừng, phát triển rừng và bảo tồn đa dạng sinh học.

- Mục tiêu về môi trường:

+ Tăng tỷ lệ che phủ rừng của lâm phần quản lý sau khi kết thúc Phương án đạt 97,31% tăng 0,91% so với tỷ lệ che phủ rừng năm 2023 (96,40%).

+ Bảo vệ toàn vẹn 17.785,19 ha rừng tự nhiên hiện có, đồng thời phát triển thêm 176,73 ha rừng tự nhiên và 50,08 ha rừng trồng; nâng cao chất lượng rừng.

+ Duy trì nguồn nước cung cấp cho nhà máy thủy điện, nhà máy sản xuất nước sạch, các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp và nước sinh hoạt cho người dân; hạn chế xói mòn, sạt lở, suy thoái đất, lũ ống và lũ quét vào mùa mưa. Hạn chế đến mức thấp nhất các tác động xấu từ môi trường.

+ Bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học, nguồn gen các loài động, thực vật quý hiếm. Duy trì và từng bước nâng cao giá trị nhiều mặt của rừng, giữ vững và nâng cao năng suất sinh học và năng lực cung cấp dịch vụ môi trường của rừng.

6. Những nội dung chính của phương án

a) Kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030

- Giai đoạn 2021-2025, diện tích quản lý của Ban Quản lý giữ ổn định 20.639,6 ha diện tích đất tự nhiên.

- Giai đoạn 2026 - 2030, Ban Quản lý xây dựng phương án rà soát giao lại cho UBND xã quản lý 83,53 ha ngoài quy hoạch 3 loại rừng (*xã Bình Nghi 5,25 ha; Bình Tân 47,32 ha; Tây Giang 2,53 ha và Tây Phú 28,43 ha*), diện tích quản lý của Ban Quản lý còn lại là 20.556,07 ha; cụ thể:

+ Đất rừng phòng hộ: 20.260,69 ha (rừng tự nhiên 17.958,49 ha; rừng trồng 2.176,07 ha; đất chưa có rừng 126,13 ha).

+ Đất rừng sản xuất: 295,38 ha (rừng tự nhiên 3,43 ha; rừng trồng 287,52 ha; đất chưa có rừng 4,43 ha).

+ Đất ngoài quy hoạch lâm nghiệp: 0,0 ha.

Nguyên nhân tăng giảm: Diện tích có rừng tăng 114,61 ha, trong đó: Rừng tự nhiên tăng 176,73 ha do thực hiện biện pháp khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên rừng phòng hộ; rừng trồng giảm 62,12 ha (rừng trồng ngoài 3 loại rừng người dân tự trồng trên diện tích giao UBND xã quản lý -44,10 ha, rừng trồng khai thác xong trồng lại rừng nhưng chưa thành rừng là -101,95 ha, rừng trồng thành rừng +83,93 ha).

Diện tích chưa có rừng giảm 242,24 ha, trong đó: Diện tích ngoài 3 loại rừng Ban Quản lý rà soát xây dựng phương án giao lại cho UBND các xã quản lý (-39,43 ha), (-176,73 ha) đất trống có cây tái sinh thành rừng phục hồi, (+57,85 ha) rừng trồng chưa thành rừng và (-83,93 ha) rừng trồng chưa thành rừng.

b) Kế hoạch bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học

- Khoán bảo vệ rừng:

+ Mục tiêu: Tăng cường sự tham gia của cộng đồng địa phương vào công tác quản lý bảo vệ tài nguyên rừng; phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi xâm hại vào rừng và đất lâm nghiệp của đơn vị. Nâng cao nhận thức của cộng đồng địa phương; đồng thời tạo việc làm, cải thiện sinh kế, giảm áp lực vào tài nguyên rừng.

+ Đối tượng nhận khoán bảo vệ rừng là các cộng đồng dân cư thôn, thuộc địa bàn 6 xã trên địa bàn huyện Tây Sơn (Bình Nghi, Tây Xuân, Tây Phú, Tây Giang, Bình Tân, Vĩnh An).

+ Đối tượng rừng đưa vào khoán bảo vệ rừng là rừng tự nhiên thuộc chức năng phòng hộ đầu nguồn.

+ Tổng diện tích giao khoán giai đoạn 2021-2030 là 192.908,5 lượt ha, trong đó: Giao khoán bảo vệ theo ngân sách Nhà nước là 161.233,4 lượt ha; giao khoán bảo vệ theo dịch vụ môi trường rừng là 31.675,1 ha.

- Bảo vệ rừng:

+ Mục tiêu: Nhằm bảo vệ nguyên vẹn diện tích rừng, các hệ sinh thái rừng; giá trị đa dạng sinh học hiện có, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ mới trong thời gian tới tại Ban Quản lý. Ngăn chặn kịp thời mọi hành vi, tác động trái phép vào tài nguyên; duy trì và từng bước nâng cao tỷ lệ che phủ của rừng, cải thiện trữ lượng, chất lượng rừng, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái.

+ Đối tượng: Bảo vệ toàn bộ diện tích rừng, đất lâm nghiệp và các sinh cảnh; giá trị đa dạng sinh học hiện có.

+ Khối lượng, tiến độ: Tổ chức các đợt phối hợp tuần tra, truy quét bảo vệ rừng toàn diện cùng lực lượng chuyên ngành như: Công an, Kiểm lâm, Quân đội (định kỳ mỗi tháng 1 lần hoặc đợt xuất).

- Kế hoạch phòng cháy và chữa cháy rừng:

+ Mục tiêu: Đảm bảo diện tích rừng nguyên vẹn không xảy ra nguy cơ cháy rừng, kiểm soát nhanh chóng, không để lây lan các vụ cháy rừng do tự nhiên, ngăn chặn các nguy cơ và thiệt hại cháy rừng do con người gây ra.

+ Đối tượng: Bao gồm toàn bộ diện tích rừng hiện có và rừng trồng mới tạo thêm trong kỳ quy hoạch.

+ Khối lượng, tiến độ thực hiện như: Lập phương án phòng cháy, chữa cháy rừng hàng năm; xây dựng lực lượng bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng; Bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện, máy móc, trang thiết bị phòng cháy chữa, cháy rừng hàng năm.

- Kế hoạch phòng trừ sinh vật gây hại rừng:

+ Mục tiêu: Phòng và hạn chế thiệt hại tài nguyên rừng do sâu bệnh và thực vật ngoại lai gây ra.

+ Đối tượng: Bao gồm toàn bộ diện tích rừng hiện có và rừng mới được tạo ra trong kỳ quy hoạch, trong đó tập trung vào đối tượng chính là rừng trồng.

+ Khối lượng, tiến độ thực hiện: Xây dựng phương án “Điều tra, xác định thành phần loài, phân bố, đặc điểm sinh thái của loài sinh vật gây hại và đề xuất biện pháp kiểm soát và diệt trừ”; thực hiện trong năm 2026.

c) Kế hoạch phát triển rừng

- Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên:

+ Mục tiêu: Nhằm góp phần thúc đẩy sự phục hồi nhanh hơn những diện tích đất chưa có rừng có cây gỗ tái sinh rải rác; nâng cao trữ lượng, chất lượng rừng, góp phần bảo tồn đa dạng sinh học; tăng cường chức năng bảo vệ môi trường, chống xói mòn, điều tiết nguồn nước, phòng chống thiên tai, duy trì ổn định tỷ lệ che phủ rừng; góp phần tăng khả năng hấp thụ cacbon, đảm bảo sự phát triển bền vững của rừng.

+ Đối tượng: Diện tích đất trống có cây bụi xen cây gỗ có mật độ cây tái sinh mục đích đạt chiều cao trên 0,5 m lớn hơn 500 cây/ha; cây tái sinh mục đích phân bố tương đối đều trên toàn diện tích hoặc có các khoảng trống dưới 1.000 m².

+ Khối lượng: Tổng diện tích 176,73 ha là đất rừng phòng hộ. Dự kiến sau 6 năm diện tích khoanh nuôi sẽ phục hồi thành rừng.

- Trồng mới và chăm sóc rừng phòng hộ:

+ Mục tiêu: Tăng diện tích đất có rừng góp phần nâng cao tỷ lệ che phủ của rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường sinh thái.

+ Đối tượng: Diện tích rừng trồng khai thác tía thưa cây phù trợ.

+ Khối lượng, tiến độ thực hiện: Tổng diện tích trồng lại rừng sau khai thác là 645,18 ha: Giai đoạn 2021-2025 là 328,01 ha, giai đoạn 2026-2030 là 317,17 ha.

- Trồng và chăm sóc rừng trồng thay thế:

+ Mục tiêu: Trồng rừng thay thế theo kế hoạch giao nhằm góp phần nâng cao tỷ lệ che phủ của rừng và bảo vệ môi trường sinh thái.

+ Đối tượng: Đất có thực bì là cỏ tranh, lau lách; Đất trống có cây bụi, cây gỗ rải rác, cây tái sinh mục đích có chiều cao trên 0,5 m với số lượng dưới 300 cây/ha, không có khả năng tái sinh thành rừng.

+ Khối lượng, địa điểm, tiến độ thực hiện: Diện tích 50,08 ha; tại tiểu khu 203, 220, xã Bình Tân; thời gian thực hiện trồng và chăm sóc từ năm 2024 – 2027.

- Khai thác gỗ rừng trồng phòng hộ:

+ Đối tượng: Rừng trồng phòng hộ, được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách và được UBND tỉnh cho chủ trương khai thác hàng năm.

+ Khối lượng, tiến độ thực hiện: Tổng diện tích là 645,18 ha, trong đó: Giai đoạn 2021-2025 khai thác 328,01 ha, giai đoạn 2026-2030 khai thác 317,17 ha.

+ Tổ chức khai thác: Ban Quản lý sẽ bán cây đứng. Hình thức tổ chức đấu thầu rộng rãi cho các tổ chức có nhu cầu và năng lực tài chính, trang thiết bị máy móc đáp ứng được yêu cầu của khai thác rừng bền vững.

d) Kế hoạch tập huấn, tuyên truyền, kiểm tra

- Mục tiêu: Nhằm nâng cao năng lực, kỹ năng trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng theo kịp các ứng dụng công nghệ trong theo dõi diễn biến tài nguyên rừng cũng như khả năng quản lý bảo vệ rừng bền vững của đội ngũ viên chức thuộc Ban Quản lý.

- Đối tượng: Toàn bộ viên chức và người lao động của Ban Quản lý.

- Khối lượng: Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn các nhóm hộ gia đình nhận khoán quản lý bảo vệ rừng thực hiện các cam kết bảo vệ rừng (65 cuộc/4 năm); kiểm tra hợp đồng quản lý bảo vệ rừng của các đối tượng giao khoán (80 lượt/4 năm); tập huấn nâng cao năng lực, kỹ năng nghiệp vụ bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng cho lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách (5 lớp/4 năm); tập huấn theo dõi, cập nhật diễn biến tài nguyên rừng (1 lớp/4 năm); tổ chức tham quan, học hỏi kinh nghiệm các mô hình về bảo vệ rừng điển hình tiên tiến (3 đợt/4 năm).

đ) Xây dựng hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng

- Mục tiêu: Để thực hiện tốt công tác bảo vệ rừng, phát triển rừng và bảo tồn đa dạng sinh học, phòng cháy chữa cháy rừng.

- Đối tượng: Gồm các hạng mục đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng: Cơ sở hạ tầng phục vụ bảo vệ rừng, phát triển rừng và bảo tồn đa dạng sinh học; cơ sở hạ tầng phục vụ phòng cháy, chữa cháy rừng của Ban Quản lý.

- Khối lượng: Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học: Sửa chữa, bảo dưỡng Bảng tin tuyên truyền hiện có bị hư hỏng, xuống cấp. Tổng số lượng dự kiến 04 bảng, vị trí tại các trục đường chính, các Trạm bảo vệ rừng và dọc ranh giới nơi xung yếu có nguy cơ cháy rừng; phát đốt rừng làm nương rẫy người dân thường qua. Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phòng cháy, chữa cháy rừng: Xây dựng mới đường băng cản lửa trong vùng trồng rừng mới thay thế và trồng lại rừng sau khai thác, số lượng dự kiến là 69 km. Bảo dưỡng đường băng cản lửa hiện có, số lượng bảo dưỡng là 30 km. Lắp đặt hệ thống Biển cấm lửa, dự kiến 100 biển, được lắp đặt tại các vị trí các trục đường chính đi qua lâm phận quản lý và dọc ranh giới, trên các đường mòn ra vào khu rừng.

e) Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học; điều tra, kiểm kê rừng: Việc theo dõi diễn biến rừng được thực hiện hằng năm nhằm cập nhật diễn biến tài nguyên rừng phục vụ cho công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng như: Cập nhật, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng bằng việc sử dụng công nghệ và thiết bị hiện đại; điều tra, kiểm kê rừng; xây dựng phương án quản lý rừng bền vững.

g) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng: Nâng cao kiến thức về pháp luật và các chính sách về bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển rừng cho người dân, khách du lịch, học sinh, sinh viên và các cấp chính quyền trong khu vực.

h) Hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng: Ban Quản lý tiếp tục cung ứng dịch vụ môi trường rừng cho các Nhà máy thủy điện trên địa bàn. Tổng diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng là hơn 34.806,5 ha. Mức chi trả tiền

dịch vụ môi trường rừng tùy thuộc vào sản lượng điện từng năm và do các Nhà máy chi trả thông qua Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh.

i) Mua sắm, sửa chữa trang thiết bị, phương tiện: Hàng năm đơn vị lập kế hoạch xin được mua sắm, sửa chữa; khi được cấp thẩm quyền phê duyệt sẽ tiến hành đấu thầu rộng rãi lựa chọn nhà thầu theo quy định để thực hiện.

7. Dự kiến nhu cầu và nguồn vốn thực hiện

a) Dự kiến tổng nhu cầu vốn thực hiện trong 10 năm là: **121.141,396** triệu đồng (*Một trăm hai mươi một tỷ, một trăm bốn mươi một triệu, ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng*); cụ thể:

STT	Hạng mục	Tổng vốn thực hiện	Giai đoạn (2021-2025)		Giai đoạn (2026-2030)
			Đã thực hiện	Kế hoạch	Kế hoạch
	TỔNG CỘNG	121.141,396	31.956,025	31.218,293	57.967,078
I	BẢO VỆ RỪNG HIỆN CÓ	49.795,400	14.938,620	9.959,080	24.897,700
1	Khoản bảo vệ rừng theo NS Nhà nước	48.370,020	14.511,006	9.674,004	24.185,010
2	Khoản bảo vệ rừng theo DVMTR	1.425,380	427,614	285,076	712,690
II	KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, BẢO VỆ RỪNG, SỬ DỤNG RỪNG VÀ BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC	6.400,000	1.830,000	1.220,000	3.350,000
1	Kế hoạch bảo vệ rừng	4.800,000	1.440,000	960,000	2.400,000
2	Kế hoạch phòng cháy chữa cháy rừng	1.300,000	390,000	260,000	650,000
3	Kế hoạch phòng trừ sinh vật hại rừng	300,000			300,000
III	PHÁT TRIỂN RỪNG	53.202,777	12.367,736	15.883,913	24.951,128
1	Trồng rừng thay thế	5.958,018		4.780,737	1.177,281
2	Trồng lại rừng sau khai thác	46.714,569	12.367,736	10.926,446	23.420,387
3	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên	530,190		176,730	353,460
IV	XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ	2.708,550	660,000	755,300	1.293,250
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ QLVR, bảo tồn đa dạng sinh học	40,000		40,000	
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ PCCCR	2.270,000	660,000	555,000	1.055,000
3	Mua sắm thiết bị VR, PCCCR	398,550		160,300	238,250
V	KẾ HOẠCH TẬP HUẤN,	6.350,000	1.650,000	1.350,000	3.350,000

STT	Hạng mục	Tổng vốn thực hiện	Giai đoạn (2021-2025)		Giai đoạn (2026-2030)
			Đã thực hiện	Kế hoạch	Kế hoạch
	TUYÊN TRUYỀN, KIỂM TRA				
1	Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn các nhóm hộ gia đình, các tổ chức nhận khoán QL BV thực hiện các cam kết BVR	3.900,000	1.170,000	780,000	1.950,000
2	Kiểm tra Hợp đồng QL BV của các đối tượng giao khoán	1.600,000	480,000	320,000	800,000
3	Tập huấn nâng cao năng lực, kỹ năng nghiệp vụ BVR, PCCCR cho lực lượng BVR chuyên trách	350,000		100,000	250,000
4	Tập huấn theo dõi, cập nhật diễn biến tài nguyên rừng	100,000		50,000	50,000
5	Tổ chức tham quan, học hỏi kinh nghiệm các mô hình về BVR điển hình tiên tiến	400,000		100,000	300,000
VI	CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC	2.684,669	509,669	2.050,000	125,000
1	Xây dựng Phương án QL RBV	434,669	434,669		
2	Cập nhật, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng hàng năm bằng việc sử dụng công nghệ và thiết bị hiện đại như phần mềm SMAR, Flycam (bao gồm cả theo dõi diễn biến rừng)	250,000	75,000	50,000	125,000
3	Kiểm kê rừng	2.000,000		2.000,000	

b) Nguồn vốn thực hiện

- Nguồn vốn từ Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững là 38.732,777 triệu đồng, chiếm 31,98% tổng vốn thực hiện.

- Nguồn vốn từ Chương trình phát triển kinh tế xã hội là 33.834,001 triệu đồng, chiếm 27,93% tổng vốn thực hiện.

- Nguồn vốn từ tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng là 1.425,380 triệu đồng, chiếm 1,18% tổng vốn thực hiện.

- Nguồn vốn từ khai thác rừng trồng là 46.714,569 triệu đồng, chiếm 38,55%. Trong đó, giai đoạn 2021- 2025 chiếm 19,22%; giai đoạn 2026-2030 chiếm 19,33%.

- Vốn ngân sách huyện cấp để xây dựng phương án là 434,669 triệu đồng, chiếm 0,36% tổng vốn thực hiện.

Điều 2. Tổ chức thực hiện phương án

1. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý có liên quan

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Phối hợp với UBND huyện Tây Sơn kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện phương án; tổ chức triển khai thực hiện phương án; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trong việc cân đối, bố trí nguồn vốn thực hiện phương án; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với thực tế sử dụng và chức năng nhiệm vụ của Ban Quản lý.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư: Trên cơ sở đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, bố trí vốn đầu tư công để thực hiện các hạng mục đầu tư thuộc phương án.

c) Sở Tài chính: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan có liên quan trình cấp có thẩm quyền phân bổ kinh phí (đối với vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương) và phối hợp kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí thực hiện phương án theo quy định.

d) Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong công tác đo đạc, cắm mốc ranh giới; điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho Ban Quản lý rừng phòng hộ.

c) UBND huyện Tây Sơn

- Chỉ đạo Ban Quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn tổ chức triển khai thực hiện phương án có hiệu quả; đề xuất các hạng mục đầu tư để thực hiện phương án; xây dựng kế hoạch, nhu cầu vốn gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp, trình UBND tỉnh.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện phương án.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác đo đạc, cắm mốc; chỉnh lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho Ban Quản lý.

- Bố trí vốn ngân sách huyện để thực hiện một số hạng mục của phương án.

- Chỉ đạo Ban Quản lý rừng phòng hộ, UBND các xã xây dựng các phương án, kế hoạch tiếp nhận diện tích đất rừng Ban Quản lý đề nghị giao trả địa phương; đồng thời kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

2. Trách nhiệm của Ban Quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn

a) Hàng năm báo cáo UBND huyện Tây Sơn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả thực hiện Phương án Quản lý rừng bền vững; căn cứ vào phương án đã được phê duyệt tổ chức quản lý, điều hành và chịu trách nhiệm chính về việc triển khai các hạng mục của phương án.

b) Xây dựng kế hoạch thực hiện các hoạt động liên quan như công tác quản lý bảo vệ rừng, trồng, chăm sóc rừng trồng phòng hộ, khai thác rừng trồng phòng hộ, bảo tồn đa dạng sinh học, các hoạt động nghiên cứu ứng dụng khoa học...Đưa ra ý tưởng, kế hoạch, kỹ thuật của Dự án; cập nhật các bản đồ hiện trạng sử dụng

đất, hiện trạng tài nguyên rừng. Chịu trách nhiệm trực tiếp kiểm tra, đôn đốc các trạm bảo vệ rừng thực hiện nhiệm vụ quản lý bảo vệ và phát triển rừng.

c) Xây dựng phương án tài chính, cân đối các nguồn lực tài chính để thực hiện.

d) Thực hiện nhiệm vụ cấp trên giao, xây dựng lịch tuần tra, trực trạm cho từng thành viên; phối hợp cùng cộng đồng, hộ nhận khoán, chính quyền địa phương và kiểm lâm địa bàn thường xuyên tuần tra, kiểm tra bảo vệ rừng, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Tây Sơn, Giám đốc Ban Quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT TT UBND tỉnh N.T.Thanh;
- CVP;
- Lưu: VT, K13 (17b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh